

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HS-ST

Ngày: 10-6-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Đông – Phó Chánh Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

Bà Đỗ Thị Luyến – Nguyên Phó Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Trọng Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 75/2025/TLST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa 13/2025/HSST-QĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, đối với bị cáo:

Lò Thị P; sinh ngày 21/10/1996, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn D, sinh năm 1972 và con bà Lò Thị H, sinh năm 1978; bị cáo chưa có chồng; bị cáo có 01 người con, sinh năm 2021. Tiền án; Không; tiền sự: Không. Nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/7/2024, bị tạm giam từ ngày 29/7/2024 cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị P:** Bà Nguyễn Thị Thu H1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đ (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Cháu Lò Văn D1, sinh ngày 30/10/2006. Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Anh Cà Văn H2, sinh ngày 05/9/2001. Địa chỉ: Bản L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

3. Cháu Lò Văn Q, sinh ngày 01/7/2005. Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Anh Lường Văn N, sinh ngày 27/10/2000. Địa chỉ: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

5. Anh Quàng Văn T, sinh ngày 28/7/1998. Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Cháu Lường Văn Q1, sinh ngày 25/10/2006. Địa chỉ: Bản K, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Cháu Lò Duy M, sinh ngày 18/12/2006. Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

8. Cháu Quàng Văn T1, sinh ngày 27/7/2007. Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp của cháu Quàng Văn T1: Ông Quàng Văn T2, sinh năm 1984 và bà Tòng Thị T3, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Bà T3 có mặt tại phiên tòa).

9. Anh Bạc Cầm C, sinh ngày 16/12/1998. Địa chỉ: Bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

10. Anh Lò Văn H3, sinh ngày 30/11/2000. Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại Lò Văn D1, Cà Văn H2, Lò Văn Q, Lường Văn N, Quàng Văn T, Lường Văn Q1, Lò Duy M, Quàng Văn T1, Bạc Cầm C, Lò Văn H3: Ông Tạ Ngọc V, Luật sư Văn phòng L2 và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ: H Hồ N, C, quận H, thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lò Thị T4, sinh năm 1985. Địa chỉ: Bản H, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bà Lường Thị D2, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản L, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Ông Lò Văn L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Ông Lường Văn H4, sinh năm 1975. Địa chỉ: Bản S, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

5. Bà Lò Thị T5, sinh năm 1987. Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

6. Bà Lường Thị C1, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Bà Tòng Thị T3, sinh năm 1982. Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

8. Bà Lò Thị P1, sinh năm 2006. Địa chỉ: Bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

9. Bà Bạc Thị L1, sinh năm 1979. Địa chỉ: Bản C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa).

Các bị hại Lò Văn D1, Lường Văn N, Quàng Văn T, Lường Văn Q1, Lò Duy M, Quàng Văn T1, Lò Văn H3 có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại Lò Văn Q vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lò Thị T4, Lò Thị T5, Lường Thị C1 có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lường Thị D2, Lò Văn L, Lường Văn H4, Lò Thị P1, Bạc Thị L1 vắng mặt không có lý do tại phiên tòa. Ý kiến của bị cáo có mặt tại phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại; ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đề nghị vẫn tiếp tục đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục phiên tòa xét xử.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2022, Lò Thị P làm việc tại quán hát ở Y, Cộng hòa Liên bang M do Nguyễn Thị A và Tạ Thị H5 (hay gọi là M1) làm quản lý. Tháng 3/2023, H5 và A nói cho P biết về việc A và M1 đang làm quản lý ở Công ty T7 làm về lừa đảo qua mạng, công ty đang tuyển người sang làm việc, nếu P giới thiệu được người sang công ty làm việc thì sẽ được trả tiền công là 01 vạn Nhân dân tệ (khoảng 35 triệu đồng tiền Việt Nam)/01 người hoặc được chia hoa hồng từ 1% đến 2% tiền công của những người P giới thiệu sang làm việc trong một tháng. P đồng ý. Với thủ đoạn đăng thông tin tuyển dụng lao động, tuyển người làm việc gõ máy tính ở Myanmar, lương 20.000.000 đồng/01 tháng, không mất chi phí đi lại trên mạng xã hội Facebook, đồng thời P nhắn tin cho một số người nhà và người cùng xã để giới thiệu công việc, rủ sang Myanmar làm việc. Tháng 4/2023, P đã đưa 3 đợt 10 người ở huyện T, tỉnh Điện Biên sang Y, M2 vào công ty Trung Quốc làm việc, cụ thể:

Lần 1. P đưa 05 người: Lò Văn D1, sinh năm 2006; Cà Văn H2, sinh năm 2001; Lò Văn Q, sinh năm 2005; Lường Văn N, sinh năm 2000; Quàng Văn T, sinh năm 1998 sang Y, M2 vào công ty Trung Quốc làm việc. Ngày 02/4/2023, mọi người bắt đầu bay từ sân bay N, Hà Nội đi Myanmar. Khi đến nơi, được A và M1 sắp xếp người đón và đưa vào công ty Trung Quốc làm việc.

Lần 2. P đưa 03 người: Lường Văn Q1, sinh năm 2006; Lò Duy M, sinh năm 2006; Quàng Văn T1, sinh ngày 27/7/2007 (là người dưới 16 tuổi). Ngày

10/4/2023, mọi người bắt đầu bay từ sân bay N, Hà Nội đi Myanmar. Đi cùng đoàn, có 06 người ở huyện T do Lường Thị V1, trú tại xã M, huyện T và cùng đưa sang Myanmar. Khi đến Myanmar, các công dân được A và M1 sắp xếp người đón và đưa vào công ty Trung Quốc làm việc.

Lần 3. P đưa 02 người: Bạc Cầm C, sinh năm 1998; Lò Văn H3, sinh năm 2000. Ngày 25/4/2023, các công dân bắt đầu bay từ sân bay N, Hà Nội đi Myanmar. Khi đến nơi, được A và M1 sắp xếp người đón, đưa vào công ty Trung Quốc.

Quá trình sang Myanmar, Lò Thị P đã lập nhóm Z để tập hợp mọi người, trong đó có cả A và M1. Ai cần ứng tiền trước sẽ được A và M1 chuyển khoản. Chi phí làm hộ chiếu, vé máy bay đều do A và M1 thanh toán. P không trực tiếp đưa người đi mà hướng dẫn qua nhóm Z. Khi đến các điểm đón, mọi người phải chụp ảnh gửi P, để P chuyển cho M1 sắp xếp người đón. Đến M2, M1 và A trực tiếp đón hoặc bố trí người đưa vào công ty Trung Quốc. Từ tháng 4 đến tháng 5/2023, P đã ứng tiền trước của A và M1 trong số tiền công mà P được hưởng đó là 1% tiền các công dân làm được trong 01 tháng tại công ty Trung Quốc, với số tiền là 36.700.000 đồng, được chuyển vào tài khoản BIDV số 3600648635 của P. Số tiền trên P đã chi tiêu cá nhân hết.

Khi vào công ty Trung Quốc, mọi người bị thu hộ chiếu và không được tự do đi lại. Phát hiện công việc là lừa đảo, mọi người gọi cho P thắc mắc, nhưng P khuyên mọi người cố gắng làm việc vì nếu muốn về sẽ phải trả tiền chuộc rất lớn. Do không có tiền chuộc nên mọi người tiếp tục ở lại làm việc. Nhiều người không làm được việc, không đạt chỉ tiêu thì bị công ty phạt làm thêm giờ, tăng ca... Trong số 10 người bị Lò Thị P đưa sang Myanmar: Lò Văn Q và Quàng Văn T đã trốn thoát về Việt Nam. Q phải trả chi phí 60.000.000 đồng cho một người đàn ông không quen biết để được đưa về nhà. Những người còn lại phải nộp tiền chuộc để được thả, cụ thể: Lò Văn D1: 88.000.000 đồng; Cà Văn H2: 100.000.000 đồng; Lường Văn Q1: 152.000.000 đồng; Lò Duy M: 50.000.000 đồng; Quàng Văn T1: 150.000.000 đồng; Bạc Cầm Chiến: 70.000.000 đồng; Lò Văn H3: 27.000.000 đồng; Lường Văn N: 10.000.000 đồng. Nhận thức hành vi mua bán người của mình là vi phạm pháp luật, nên ngày 26/7/2024, Lò Thị P đã ra đầu thú và khai báo toàn bộ sự việc.

Tại Bản kết luận giám định số 183/KL-KTHS ngày 08/01/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số IMEI: 357569690460251, điện thoại lắp 01 SIM VIETTEL số 0869.189.778, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, kết luận như sau:

Trích xuất được dữ liệu điện tử phù hợp yêu cầu giám định lưu trữ trong 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số IMEI: 357569690460251, cụ thể:

- Đối với ứng dụng Facebook: 1.650 danh bạ, 501 cuộc gọi, 2.753 tin nhắn;

- Đối với ứng dụng Zalo: 316 danh bạ, 73 cuộc gọi Zalo, 4.422 tin nhắn Zalo;
- Đối với ứng dụng Telegram: 1.671 tin nhắn;
- Đối với ứng dụng Wechat: 90 danh bạ, 21.115 tin nhắn.

Tiến hành đóng gói dữ liệu trên, thu được: 01 (một) tệp tin tên: CATDB-QDTC09.iso, kích cỡ: 1,41GB, mã MD5: 8de3830ec89aa31180ccff1ea1876c94; kích cỡ 1,41 GB, mã MD5, được lưu trữ vào 01 (một) đĩa DVD dung lượng 4,7GB.

Tại Bản kết luận giám định số 1501/KL-KTHS ngày 20/9/2024 của Phòng K - Công an tỉnh Đ đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 FE, màu xanh, số IMEI1: 350389910917262, số IMEI2: 350619790917267, bên trong gắn: 01 (một) SIM nhãn hiệu Viettel; 01 (một) SIM nhãn hiệu Metfone, điện thoại đã cũ qua sử dụng, kết luận như sau:

- Trích xuất được dữ liệu điện tử lưu trữ trong 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 FE, màu xanh, số IMEI1: 350389910917262, số IMEI 2: 350619790917267, cụ thể; 18 mục danh bạ; 327 cuộc gọi; 6.071 tin nhắn Facebook Messenger; 2.650 tin nhắn Telegram; 38.577 tin nhắn Wechat; 53.0001 tin nhắn Zalo;

- 01 (một) tệp tin tên: S23FE_LOTHIPHUONG.iso, kích cỡ: 477MB, mã MD5:719ba75486ae5525c65e36338cc7169e.

Tại bản Cáo trạng số: 08/CT-VKS-P2 ngày 10/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lò Thị P về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 của Bộ luật Hình sự và tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lò Thị P và đề nghị Hội đồng xét xử:

*** Về trách nhiệm hình sự:**

- Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lò Thị P phạm tội Mua bán người; xử phạt bị cáo Lò Thị P mức án từ 10 năm đến 11 năm tù.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lò Thị P phạm tội Mua bán người dưới 16 tuổi; xử phạt bị cáo Lò Thị P mức án từ 09 năm đến 10 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung của bị cáo từ 19 năm đến 21 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 150 và khoản 4 Điều 151 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Trong quá trình điều tra bị hại Lò Văn H3 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 5.000.000 đồng; Lương Văn Q1 yêu cầu bồi thường 84.000.000 đồng, Lò Duy M yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng; Quảng Văn T1 yêu cầu bồi thường 49.000.000 đồng; Lò Văn D1 yêu cầu bồi thường 29.333.000 đồng; Cà Văn H2 yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng; Lò Văn Q yêu cầu bồi thường 25.000.000 đồng; Lương Văn N yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng; Bạc Cầm C yêu cầu bồi thường 23.300.000 đồng.

Bị cáo Lò Thị P đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tổng số tiền 18.000.000 đồng cho các bị hại (số tiền đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên); bị cáo P bồi thường cho mỗi bị hại là 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị hại Cà Văn H2, Bạc Cầm C, người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1 thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại, bị hại Cà Văn H2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng; bị hại Bạc Cầm C yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng; bị cáo P nhất trí với yêu cầu của các bị hại Cà Văn H2, Bạc Cầm C và người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 592, 357, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm buộc bị cáo P phải bồi thường tiếp cho các bị hại còn lại, cụ thể bồi thường cho bị hại Lương Văn Q1 82.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Lò Duy M 18.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại Lò Văn D1 27.333.000 đồng; bồi thường cho bị hại Lò Văn Q 23.000.000 đồng.

Bị hại Lương Văn N yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng trong tổng số tiền 18.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0000128 ngày 14/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên; bị cáo P đã bồi thường xong cho bị hại Lương Văn N.

Bị hại Lò Văn H3 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Nhưng đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lò Thị P bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng trong tổng số tiền 18.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0000128 ngày 14/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên) cho bị hại Lò Văn H3.

*** Về xử lý vật chứng:** Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 P, đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Lương Thị V1, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục tạm giữ lưu tại Kho vật chứng Công an tỉnh Điện Biên để phục vụ cho việc điều tra hành vi mua bán người của Tạ Thị H5 và Nguyễn Thị A, không đề nghị xử lý trong vụ án này.

Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S23 FE cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị P, do bị cáo không dùng vào việc phạm tội nên cần áp dụng

Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Lò Thị P.

*** Về truy thu số tiền do phạm tội mà có:** Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Lò Thị P phải nộp số tiền 36.700.000 đồng là tiền do phạm tội mà có vào ngân sách Nhà nước.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Lò Thị P.

Người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên; không khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; bị cáo P đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại mỗi bị hại số tiền 2.000.000 đồng (tổng số tiền là 18.000.000 đồng); ngày 26/7/2024 bị cáo P đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội mua bán người; trong quá trình học tập bị cáo P đạt nhiều thành tích xuất sắc, ngoài ra các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình đang nuôi con nhỏ và mẹ đang bị bệnh HIV giai đoạn cuối; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; xem xét áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên. Đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Lò Thị P. Về trách nhiệm bồi thường dân sự, đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của bị cáo và các bị hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại Lò Văn H3, Lương Văn Q1, Lò Duy M, Quảng Văn T1, Lò Văn D1, Cà Văn H2, Lò Văn Q, Lương Văn N, Bạc C2 C là ông Tạ Ngọc V trình bày: Đồng thuận với luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đồng nhất với ý kiến của các bị hại Cà Văn H2, Bạc Cầm C, người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1 có mặt tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại cho 03 bị cáo. Bị hại Lò Văn H3 không yêu cầu bị cáo P bồi thường thiệt hại. Căn cứ vào ý kiến của bị cáo tại phiên tòa ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện bồi thường của bị cáo cho các bị hại Lương Văn Q1, Lò Duy M, Lò Văn D1, Lò Văn Q. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho các bị hại Lương Văn Q1, Lò Duy M, Lò Văn D1, Lò Văn Q vắng mặt tại phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo; không khiếu nại gì về các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng; các bị hại Cà Văn H2, Bạc Cầm C, người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1 có ý kiến thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại, chấp nhận số tiền 2.000.000 đồng/01 bị hại mà bị cáo P bồi thường. Số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại còn lại, các bị hại Cà Văn H2, Bạc Cầm C, người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1 không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường; đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P.

Bị hại Lò Văn H3 vắng mặt tại phiên tòa, có đơn gửi cho Tòa án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P và không yêu cầu bị cáo P phải bồi thường thiệt hại. Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị hại Lương Văn Q1, Lò Duy M, Lò Văn D1, Lò Văn Q yêu cầu bị cáo P bồi thường theo quy định của pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo nhất trí nội dung bản Cáo trạng cũng như bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, nội dung bản luận cứ bào chữa của người bào chữa cho bị cáo, bị cáo không có tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi nghị án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm có cơ hội hòa nhập cộng đồng và cải tạo thành công dân tốt, bị cáo P xin lỗi các bị hại cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Qua phần tranh tụng công khai tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị P đã khai và công nhận:

Trong khoảng thời gian tháng 4/2023, trên địa bàn tỉnh Điện Biên, bị cáo Lò Thị P dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng việc các bị hại không có việc làm, công việc không ổn định, lừa gạt rủ công dân đi làm ở Myanmar với lời hứa hẹn công việc nhẹ nhàng, chỉ cần biết gõ máy tính, lương 20 triệu/tháng, P đã 03 lần lừa gạt 10 người là: Lò Văn D1, Cà Văn H2, Lò Văn Q, Lương Văn N, Quảng Văn T, Lương Văn Q1, Lò Duy M, Bạc C, Lò Văn H3, Quảng Văn T1 sinh ngày 27/7/2007 (*là người dưới 16 tuổi*) xuất cảnh sang Myanmar rồi chuyển giao cho Tạ Thị H5 và Nguyễn Thị A làm công việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 02/4/2023, dưới dự hướng dẫn của bị cáo Lò Thị P, Lò Văn D1, Cà Văn H2, Lò Văn Q, Lương Văn N, Quảng Văn T, làm thủ tục xuất cảnh đi từ sân bay N, Hà Nội đi sang Y, M2. Khi đến nơi, được các bị hại được

Nguyễn Thị A và Tạ Thị H5 (còn được gọi là M1) sắp xếp người đón và đưa vào công ty Trung Quốc làm công việc lừa đảo trên không gian mạng.

Lần thứ hai: Ngày 10/4/2023, bị cáo P hướng dẫn Phụng Lương Văn Q1, Lò Duy M, Quảng Văn T1, làm thủ tục xuất cảnh đi từ sân bay N, Hà Nội sang Myanmar. Đi cùng đoàn, có 06 người ở huyện T do Lương Thị V1, trú tại xã M, huyện T và cùng đưa sang Myanmar. Khi đến Myanmar, các bị hại được A và M1 sắp xếp người đón và đưa vào công ty Trung Quốc làm công việc lừa đảo trên không gian mạng.

Lần thứ ba: Ngày 25/4/2023, bị cáo P hướng dẫn Bạc C, Lò Văn H3 làm thủ tục xuất cảnh đi sân bay N, Hà Nội sang Myanmar. Khi đến nơi, các bị hại được A và M1 sắp xếp người đón, đưa vào công ty Trung Quốc làm công việc lừa đảo trên không gian mạng.

Lò Thị P đã được hưởng số tiền 36.700.000 đồng là tiền hoa hồng 1% từ tiền các bị hại làm được trong 01 tháng tại công ty Trung Quốc.

Lời khai nhận tội của bị cáo Lò Thị P trước phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của các bị hại; Tài liệu tra cứu lịch sử xuất nhập cảnh của Lò Văn D1, Cà Văn H2, Lò Văn Q, Lương Văn N, Quảng Văn T, Lương Văn Q1, Lò Duy M, Quảng Văn T1, Bạc Cầm C, Lò Văn H3; Biên bản kiểm tra điện thoại của Lương Thị V1; Kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cũng như Cáo trạng số 08/CT-VKS-P2 ngày 10/4/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xét xử bị cáo Lò Thị P về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Hình sự và tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại Điều 151 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Bị cáo Lò Thị P đã chuyển giao 09 người ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sang Myanmar giao cho một người khác để nhận tiền nên phải chịu tình tiết tăng nặng định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự. Riêng đối với hành vi đưa và chuyển giao bị hại Quảng Văn T1 từ sân bay N, Hà Nội đi Myanma (*giao T1 tại Myanmar cho A và M1 đưa vào Công ty Trung Quốc làm việc*), tại thời điểm chuyển giao Quảng Văn T1 mới 15 tuổi 8 tháng 14 ngày; do đó bị cáo còn phạm thêm tội Mua bán người dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự.

Điều 150 quy định “Tội Mua bán người”

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực, lừa gạt hoặc thủ đoạn khác thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

...đ) Đối với 06 người trở lên”.

Điều 151 quy định “Tội Mua bán người dưới 16 tuổi”

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

...đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Lò Thị P về tội “*Mua bán người*” theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 150 Bộ luật Hình sự và tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 151 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, bị cáo không bị oan sai.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội:

Việc mua bán người trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong thời gian qua có nhiều diễn biến phức tạp và ngày càng tinh vi, hành vi phạm tội của bị cáo được che giấu dưới vỏ bọc giới thiệu đi lao động tại nước ngoài; lợi dụng sự tin tưởng của họ hàng, bạn bè để đưa và bán họ nhằm thu lợi bất chính.

Bị cáo Lò Thị P là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình bị Nhà nước nghiêm cấm và sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm của con người. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Lò Thị P sinh ra và lớn lên ở bản P, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên, được gia đình tạo điều kiện cho đi học hết lớp 12/12, đến năm 2014 là sinh viên trường Đại học T8, Bắc Ninh. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vì lợi ích cá nhân. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo P có nhân thân tốt, chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã 03 lần phạm tội, nên bị áp dụng tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội Mua bán người.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong quá trình điều tra bị cáo P đã tự nguyện thường thiệt hại cho các bị hại mỗi bị hại số tiền 2.000.000 đồng

(tổng số tiền là 18.000.000 đồng nộp theo Biên lai số 0000128 ngày 14/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên); ngày 26/7/2024 bị cáo P đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú về hành vi phạm tội mua bán người. Trong quá trình học tập, bị cáo Lò Thị P đạt nhiều thành tích xuất sắc (Năm 2013 đạt Huy chương Vàng nội dung chạy 800m nữ THPT, Huy chương Bạc nội dung chạy 1500m nữ THPT đã có xác nhận của Trường THPT Ph tỉnh Điện Biên; Năm 2015 được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Ninh tặng Giấy khen do đạt giải nhì Ba môn quân sự phối hợp nữ dân quân tự vệ trong Hội thao T9; Trường Đại học T10 tặng Giấy khen do đạt danh hiệu “Sinh viên nghèo có thành tích tốt trong học tập và rèn luyện” năm học 2014 – 2015); nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo đối với cả hai tội Mua bán người và Mua bán người dưới 16 tuổi.

Đối với đề nghị của Kiểm sát viên, người bào chữa cho bị cáo về hình phạt chính, hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 150 và khoản 4 Điều 151 Bộ luật Hình sự còn quy định:

“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tuy nhiên, qua quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa cho thấy bị cáo P không có thu nhập ổn định, không có tài sản, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo phải chăm sóc con nhỏ mới được 04 tuổi và mẹ bị cáo bị HIV giai đoạn cuối, điều kiện hoàn cảnh kinh tế của gia đình bị cáo khó khăn; do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 592, 357, 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình điều tra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 49.000.000 đồng; bị hại Lò Văn H3 yêu cầu bị cáo bồi thường 5.000.000 đồng; Lường Văn Q1 yêu cầu bồi thường 84.000.000 đồng; Lò Duy M yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng; Lò Văn D1 yêu cầu bồi thường 29.333.000 đồng; Cà Văn H2 yêu cầu bồi thường 20.000.000 đồng, Lò Văn Q yêu cầu bồi thường 25.000.000 đồng, Lường Văn N yêu cầu bồi thường 2.000.000 đồng, Bạc Cầm C yêu cầu bồi thường 23.300.000 đồng.

Bị cáo Lò Thị P đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tổng số tiền 18.000.000 đồng cho các bị hại (số tiền đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên); bị cáo P bồi thường cho mỗi bị hại là 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, các bị hại Cà Văn H2, Bạc Cầm C, người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1 thay đổi yêu cầu bồi thường thiệt hại, bị hại Cà Văn H2 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng, bị hại B Cầm C yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng; người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng; bị cáo P nhất trí với yêu cầu của các bị hại Cà Văn H2, Bạc Cầm C và người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1.

Tại phiên tòa, bị cáo P đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của các bị hại Lương Văn Q1, Lò Duy M, Lò Văn D1, Lò Văn Q. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên. Buộc bị cáo P phải bồi thường tiếp cho các bị hại, cụ thể như sau: Bồi thường tiếp cho bị hại Lương Văn Q1 82.000.000 đồng; bồi thường tiếp cho bị hại Lò Duy M 18.000.000 đồng; bồi thường tiếp cho bị hại Lò Văn D1 27.333.000 đồng; bồi thường tiếp cho bị hại Lò Văn Q 23.000.000 đồng.

Bị hại Lương Văn N yêu cầu bị cáo phải bồi thường 2.000.000 đồng, (khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng trong tổng số tiền 18.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0000128 ngày 14/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên); bị cáo P đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại Lương Văn N.

Bị hại Lò Văn H3 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nhưng Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lò Thị P bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng trong tổng số tiền 18.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo Biên lai số 0000128 ngày 14/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên) cho bị hại Lò Văn H3.

Bị hại Quảng Văn T không yêu cầu bị cáo bồi thường, không yêu cầu gì khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6] Về số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội của bị cáo:

Đối với số tiền 36.700.000 đồng bị cáo P nhận được là tiền hoa hồng 1% từ tiền các bị hại làm được trong 01 tháng tại công ty Trung Quốc, cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải nộp toàn bộ vào ngân sách Nhà nước.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 P, đã cũ, đã qua sử dụng thu giữ của Lương Thị V1, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đang tạm giữ tại Kho vật chứng Công an tỉnh Đ để phục vụ cho việc điều tra hành vi mua bán người của Tạ Thị H5 và Nguyễn Thị A, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án này.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 FE, màu xanh thu giữ của Lò Thị P, do bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội; do đó áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Lò Thị P.

[8] Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo lời khai của Lò Thị P, P đã liên lạc trao đổi với Tạ Thị H5 và Nguyễn Thị A về việc chuyển giao các bị hại từ Việt Nam sang Myanmar cho H5 và A để đưa vào công ty Trung Quốc. Hiện nay Tạ Thị H5 và Nguyễn Thị A vắng mặt tại nơi cư trú, không rõ ở đâu. Ngày 10/8/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã khởi tố bị can ra Quyết định truy nã số 777, 779/QĐTN-CSHS nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Đối với Lò Thị P1 là người được Lò Thị P nhờ đăng thông tin, nói chuyện hộ với Lò Văn D1, Lò Văn Q về việc đi làm tại Myanmar. Pản không biết mục đích của P, không được hưởng lợi ích vật chất, hành vi trên của P1 không cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Lương Văn Q1, Quàng Văn T1, Lò Duy M đi cùng Lương Thị V1 sang Myanmar. Vận không biết đưa những người này đi để làm gì, cũng không hứa hẹn trả công nên không đặt vấn đề xử lý trong vụ án.

Quá trình điều tra xác định, P đã chuyển 10.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng A1 của bà Lê Kim H6 rồi nhờ đưa tiền mặt cho bà Lò Thị H là mẹ của P. Cả hai đều không biết số tiền mà P gửi về là tiền do thực hiện hành vi phạm tội mà có nên không đề cập xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Quá trình điều tra xác định A và H5 đã dùng nhiều tài khoản ngân hàng khác nhau để chuyển tiền ứng trước cho P khi đưa được người sang Myanmar với tổng số tiền 36.700.000 đồng. Qua xác minh, một số chủ tài khoản vắng mặt tại địa phương hoặc không biết tài khoản ngân hàng của mình đã bị các đối tượng sử dụng vào mục đích gì, một số tài khoản chưa có kết quả trả lời từ ngân hàng. Xét thấy, việc xác minh các số tài khoản ngân hàng không ảnh hưởng đến quá trình điều tra của vụ án. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục tiến hành điều tra trong vụ án hình sự Nguyễn Thị A cùng đồng phạm - Phạm tội: Mua bán người và Mua bán người dưới 16 tuổi theo Quyết định tách vụ án hình sự số: 644/QĐ-CSHS ngày 18/3/2025 của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên.

Các bị hại khai bị đưa vào công ty Trung Quốc tại Myanmar ép làm công việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên không gian mạng. Quá trình điều tra xác định vụ việc xảy ra ở ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, không đủ căn cứ, tài liệu để xác định các bị hại bị lừa đảo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên không đề cập xử lý. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[9] Về án phí: Bị cáo Lò Thị P là dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.. Do đó, căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch cho bị cáo Lò Thị P.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo Lò Thị P; các bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1, người đại diện hợp pháp của bị hại Quảng Văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng của Công an tỉnh Điện Biên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, các Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bào chữa, người đại diện hợp pháp của bị hại; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 150; Điều 151 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Thị P phạm tội “Mua bán người” và tội “Mua bán người dưới 16 tuổi”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm đ khoản 3 Điều 150; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Thị P 10 (M3) năm tù về tội Mua bán người.

2.2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 151; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lò Thị P 08 (T6) năm tù về tội Mua bán người dưới 16 tuổi.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Lò Thị P phải chịu hình phạt 18 (Mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 592, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường dân sự giữa bị cáo Lò Thị P và các bị hại.

Bị cáo Lò Thị P đã tự nguyện bồi thường thiệt hại tổng số tiền 18.000.000 đồng cho các bị hại Lò Văn H3, Cà Văn H2, Lường Văn Q1, Quảng Văn T1, Bạc Cầm C, Lò Văn Q, Lò Văn D1, Lò Duy M, Lường Văn N; mỗi bị hại là 2.000.000 đồng (tổng số tiền 18.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000128 ngày 14/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

Bị cáo Lò Thị P có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tiếp cho các bị hại. Cụ thể:

- Bị hại Lường Văn Q1 82.000.000 đồng (T6 mươi hai triệu đồng).
- Bị hại Lò Duy M 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).
- Bị hại Lò Văn D1 27.333.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

- Bị hại Lò Văn Q 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng).

- Các bị hại Cà Văn H2, Bạc Cầm C, Quảng Văn T1, Lường Văn N yêu cầu bị cáo P bồi thường mỗi bị hại số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo P đã bồi thường thiệt hại xong cho các bị hại Lường Văn N, Cà Văn H2, Bạc Cầm C, Quảng Văn T1 (Khấu trừ 2.000.000 đồng/01 bị hại trong tổng số tiền 18.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai số 0000128 ngày 14/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lò Thị P bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho bị hại Lò Văn H3 (khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng trong tổng số tiền 18.000.000 đồng bị cáo đã nộp theo B1 lại số 0000128 ngày 14/3/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, các bị hại Lường Văn Q1, Lò Văn Q, Lò Văn D1, Lò Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Lò Thị P chậm trả tiền thì bị cáo P phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Lò Thị P: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy S23 FE, màu xanh của Lò Thị P.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 11/4/2025).

5. Về tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Lò Thị P phải nộp 36.700.000 đồng (Ba mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước.

6. Về án phí: Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Lò Thị P.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, các bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại Quàng Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Quàng Văn T1 có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bị hại Q2 văn T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC02);
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bào chữa;
- Các bị hại;
- NBVQ&LIHP của bị hại;
- Người có QL,NVLQ;
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Phương

